TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ TRÍ VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **290**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 6 năm 2021
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Phước Lung.

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh T.

Tạm trú: Ấp N1, xã H, huyện T1, tỉnh L.

2. Bị đơn: Anh **Lê Phước T**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp Nh, xã T, huyện C, tỉnh T.

(Vắng mặt chị D, anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 08/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Chị và anh Lê Phước T chung sống với nhau vào ngày 09/02/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T vào ngày 25/02/2015. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là từ năm 2018 và vợ chồng đã ly thân, nguyên nhân là do anh T chỉ lo nhậu nhẹt, đi chơi, không lo chăm sóc gia đình, ghen tuông, chửi và đánh vợ, đập phá đồ đạc và

lớn tiếng với người trong gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là Lê Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 23/4/2018, đang sống với chị D. Chị D yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Phước T trình bày: Anh không đồng ý ly hôn với chị D do anh vẫn còn thương vợ con, anh thỉnh thoảng có nhậu, anh có ghen vợ do anh thấy tin nhắn của vợ với người khác. Anh có đánh vào mặt vợ hai lần, mỗi lần một cái do anh giận quá.

Về con chung: Có 01 con chung là Lê Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 23/4/2018, đang sống với chị D. Anh không đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử, đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D do mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã quá trầm trọng, chị D kiên quyết xin ly hôn nhưng anh T không đưa ra biện pháp hàn gắn nào; giao cháu Lê Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 23/4/2018, cho chị D nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Lê Phước T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vắng mặt mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng

mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Lê Phước T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 25/02/2015 theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, anh T không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Hiện tại chị D trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh T. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cả hai không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân nên mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[3.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung là Lê Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 23/4/2018, đang sống với chị D. Chị D yêu cầu được nuôi con nhưng anh T không đồng ý. Xét thấy, cháu T1 đang sống với chị D, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện, ổn định về tâm lý của cháu thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con cho chị D nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Lê Phước T;

- Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 23/4/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D nuôi dưỡng, anh Lê Phước T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Phước T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004752 ngày 17/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị D và anh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND h. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS h. Chợ Gạo;
- UBND xã T, h. C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Huyền Ni